

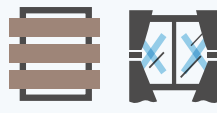
 Giông bão, lũ lụt

Trước khi bão đến

- Cố định hoặc chuyển vào nhà những đồ đạc để ngoài sân hay ban công.
- Chuẩn bị sẵn đèn pin, đài phòng khi mất điện.



- Gia cố cửa sổ bằng băng dính, đóng (kéo) cửa lưới, cửa cuốn, màn rèm.



- Chuẩn bị sẵn đồ sơ tán, lương thực.



- Chú ý theo dõi thông tin khí tượng qua tivi, đài.



Khi bão đến

- Không ra khỏi nhà.



- Không lại gần nơi có nguy cơ xảy ra triều cường (biển) hay lụt lội (sông ngòi, kênh thủy lợi) hoặc sạt lở đất đá.



- Chú ý theo dõi thông tin khí tượng và đi sơ tán khi có cảnh báo sơ tán.



- Đi bộ khi đi sơ tán. Nhớ mang theo gậy khi sơ tán trong trường hợp lụt lội để chú ý tránh cống rãnh.



避難所

Tại trại sơ tán:

- Đây là nơi bạn có thể sinh hoạt tạm thời khi nhà bị đổ do thiên tai hỏa hoạn và bạn không thể về nhà.
- Đây là nơi mọi người có thể vào ở không mất phí.
- Bạn được phát đồ ăn, nước uống, chần tại nơi sơ tán.

Các loại hình trại sơ tán.	Giải thích	Trại sơ tán của tôi.
しんすいじきんきゅうひなんしせつ 浸水時緊急避難施設 Trại sơ tán khẩn cấp khi lũ lụt	Đây là nơi sơ tán khẩn cấp tạm thời khi có sóng thần, lụt lội v.v.	Tên địa điểm
	Địa chỉ	
していきんきゅうひなんばしょ 指定緊急避難場所 Trại sơ tán khẩn cấp theo chỉ định	Đây là nơi sơ tán khẩn cấp khỏi những nguy hiểm do thiên tai để bảo vệ sự an toàn của bản thân.	Tên địa điểm
	Địa chỉ	
していひなんじょ 指定避難所 Trại sơ tán theo chỉ định	Đây là nơi lưu trú trong thời gian nhất định của người bị nạn trong trường hợp xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai hỏa hoạn. Có trường hợp giống với trại sơ tán khẩn cấp theo chỉ định.	Tên địa điểm
	Địa chỉ	

Động đất

Nếu bạn đang ở trong tòa nhà

Bạn hãy chui vào gầm bàn đợi đất khi hết rung lắc



【 Trong nhà 】Nhớ tắt bếpMở cửa ra vào, cửa sổ (đảm bảo lối ra vào)

【 Trong trung tâm thương mại hay rạp chiếu phim v.v】

Kiểm tra trước lối thoát hiểm
Bình tĩnh. Không được hoảng loạn.

Bảo vệ đầu.Không sử dụng thang máy.Thực hiện theo hướng dẫn của người có liên quan.

【 Trong thang máy】

- Ấn nút Thoát hiểm và ấn toàn bộ các tầng, ra khỏi thang máy khi thăng máy dừng lại (cửa mở) ở tầng nào đó.

Thông tin chính xác

Bình tĩnh hành động theo các thông tin chính xác!



Nếu bạn đang ở ngoài đường

Đặt túi hoặc đồ khác lên đầu để tránh tổn thương đầu.



Tránh không lại gần các bức tường hay ngõ hẹp



Cố gắng chạy thật xa khỏi biển, sông ngòi, vách đá nếu bạn ở gần đó



【 Trong xe ô tô 】

- Từ từ đỗ xe vào bên trái đường.
- Nếu bạn phải rời khỏi xe thì lưu ý cầm nguyên chìa khóa trên xe và mang theo Giấy đăng kiểm hay những đồ quý giá khác.

Giữ nguyên chìa khóa trong ổ khóa.

【 Trong xe buýt hay tàu điện 】

- Tuân thủ theo chỉ thị của nhân viên trên xe/tàu



Khi có sóng thần...

- ①Có thể xảy ra sóng thần khi có động đất mạnh.

②Tuyệt đối không được lại gần biển, sông ngòi.

③Cố gắng chạy đến nơi cao ráo và xa biển càng nhanh càng tốt. Sóng thần có thể xuất hiện nhiều lần.

Khi có hỏa hoạn...

- ①Thông báo luôn!
Bảo cho hàng xóm.
Gọi tới số 119.

②Tắt lửa ngay
Dùng bình cứu hỏa hoặc nước để dập lửa ngay khi ngọn lửa còn nhỏ.

③Chạy ngay!
Chạy ngay khi thấy lửa bén lên trần nhà. Dùng khăn mùi soa hoặc vải ướt bịt kín miệng để không hít phải khói, khom người chạy ra ngoài.

Cách sử dụng bình cứu hỏa

- ① Bật chốt an toàn

② Cho vòi phun hướng về phía ngọn lửa

③ Nắm chặt tay cầm

Những câu tiếng Nhật hữu dụng.

わたしの なまえ は 〇〇 です。 Watashi no namae wa 〇〇 desu.	My name is 〇〇. Tên tôi là 〇〇
でんわばんごう は 〇〇 です。 Denwa bangou wa 〇〇 desu.	My phone number is 〇〇. Số điện thoại của tôi 〇〇
ばしょ は 〇〇 です。 Basho wa 〇〇 desu.	I am at 〇〇./I am in 〇〇. Tôi đang ở 〇〇
〇〇は なんですか？ 〇〇 wa nan desuka?	What is 〇〇? Đây là cái gì 〇〇 ?
〇〇は いつですか？ 〇〇 wa itsu desuka?	When is 〇〇? Khi nào thì 〇〇
いくら ですか？ Ikura desuka?	How much is it? .Giá bao nhiêu?
〇〇 が ほしい です。 〇〇 ga hoshiiu desu.	I want to get 〇〇. Tôi muốn 〇〇
どうしたら いいですか？ Dou shitara iidesuka?	What should I do? Tôi nên làm thế nào?
〇〇が あります。/〇〇がありません。 〇〇 ga arimasu./〇〇 ga arimasen.	I have 〇〇./ I don't have 〇〇. Tôi có 〇〇 Tôi không có 〇〇

 ~は どこ ですか？ ~wa doko desuka?	Where is ~? là ~ở đâu? Cái gì?	 ~が 痛いです。 ~ga itai desu.	My ~ hurts. Tôi đau ở~
場所 ばしょ 市役所 しやくしょ 保健所 ほけんじょ 病院 びょういん 入国管理局 にゅうこくかんりきょく えき 駅 スーパー すーぱー トイレ とイレ 避難所 ひなんじょ 避難所	Basho	Places	Địa điểm
しやくしょ 市役所	shiyakusho	city hall	Trung tâm hành chính Thành phố
ほけんじょ 保健所	hokenjo	public health center	Trung tâm y tế công đồng
びょういん 病院	byouin	hospital	Bệnh viện
にゅうこくかんりきょく 入国管理局	nyuukoku kanri kyoku	immigration office	Cục quản lý xuất nhập cảnh
えき 駅	eki	station	Nhà ga
すーぱー スーパー	suupaa	supermarket	Siêu thị
とイレ トイレ	toire	wash room	Nhà vệ sinh
ひなんじょ 避難所	hinanjo	refuge/evacuation site	Trại sơ tán
からだ 体 あたま 頭 おなか なか て 手 あし 足 ここ ここ	Karada	Body parts	Cơ thể
あたま 頭	atama	head	Đầu
おなか なか	onaka	stomach	bụng
て 手	te	hand	tay
あし 足	ashi	leg	chân
ここ ここ	koko	here(to point)	chỗ này (chỉ vào)
ひと 人 ちち 父 はは 母 おとこ 大 妻 子ども 子供 おんな 女 おとこ 男	Hito	Family members	Thành viên trong Gia đình.
ちち 父	chichi	father	Bố
はは 母	haha	mother	mẹ
おとこ 大 妻	otto	husband	chồng
妻 おんな 女	tsuma	wife	vợ
子ども 子供	kodomo	child	con
おんな 女	onna	woman	phụ nữ
おとこ 男	otoko	man	nam giới

Danh mục đồ dùng mang theo trong trường hợp khẩn cấp
Bạn hãy tham khảo danh mục dưới đây để chuẩn bị đồ mang theo cho 3 ngày

Việc chuẩn bị trước là vô cùng quan trọng!

 Nước, đồ ăn	 Vật dụng cấp cứu	 Đài (radio), đèn pin
• Bánh mì, đồ hộp, thực phẩm ăn liền không cần nấu • Thực phẩm có lượng calo cao như sô cô la, bánh quy • Nước uống: 3L/người/ngày	• Bộ đồ cấp cứu • Thuốc uống thông thường	•Đài có thể bắt sóng FM・AM •Đèn pin (mỗi người 1 cái nếu được) • Pin
 Quần áo vật dụng sinh hoạt.	 Tiền mặt, con dấu, sổ ngân hàng.	 Hộ chiếu, thẻ lưu trú
•Đồ lót, áo khoác, khăn mặt, giấy, bút viết, áo mưa, giấy vệ sinh, găng tay bảo hộ, đồ tắm rửa, miếng dán ẩm đúng 1 lần, diêm, bật lửa, nến, mũ bảo hiểm, mũ v.v.	• Tiền mặt (cá tiền lẻ), con dấu, sổ ngân hàng, thẻ ngân hàng	• Hộ chiếu, thẻ lưu trú
 Điện thoại di động	 Đồ dùng khác	
•Điện thoại di động, bộ sạc	• Sữa bột cho bé, bình sữa, bím, Sổ tay bà mẹ trẻ em v.v. • Bím cho người già, vật dụng để chăm sóc khác, thuốc men v.v. • Băng vệ sinh v.v. • Túi nilong, tấm trải nilong, giấy nhôm, báo, băng dính v.v.	